

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2026

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Chương

2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở tòa án nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 346/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Kim L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: C khu phố E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ thường trú: Thôn I, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ hiện nay: 1806/2, đường V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2025 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Hồ Thị Kim L trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn T sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 09 tháng 4 năm 2019. Trong thời gian sống chung, bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm với ông T nhưng không thành. Bà và ông T

đã ly thân từ tháng 8 năm 2025 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là cháu Huỳnh Tuệ N, sinh ngày 05-11-2019. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Theo đơn khởi kiện, bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án làm việc nhưng ông T không đến làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư kí, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà L và ông T không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc. Ông T không đến làm việc, hòa giải theo triệu tập của Tòa, không tham gia các phiên tòa, không thể hiện mong muốn, thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm với bà L. Xét mâu thuẫn của bà L và ông T là có thật, cuộc sống hôn nhân của bà L, ông T không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L; Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là cháu Huỳnh Tuệ N, sinh ngày 05-11-2019. Bà L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy cháu N đang sống cùng bà L, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu N, ngoài ra không ghi nhận được ý kiến của ông T về việc nuôi dưỡng con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của L, bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên không đề xuất xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Hồ Thị Kim L có đơn khởi kiện về “Ly hôn” với ông Huỳnh Văn T, có nơi cư trú tại xã L và phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét bà Hồ Thị Kim L và ông Huỳnh Văn T chung sống và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 09 tháng 4 năm 2019. Như vậy, hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

Trong thời gian bà L và ông Tào S với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bà L, ông T bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, từ đó cho thấy ông T không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thể hiện thiện chí, nguyện vọng muốn hòa giải, đoàn tụ của ông T. Ngoài ra, ông T không tranh thủ sự tác động, động viên, hòa giải của Pháp luật để hàn gắn hôn nhân giữa ông T và bà L.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”.

Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh hôn nhân của bà L và ông T không thỏa mãn được mục đích, ý nghĩa cốt yếu để duy trì đời sống hôn nhân. Nay bà L cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với ông T. Xét mâu thuẫn của bà L và ông T là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, khả năng đoàn tụ rất khó khăn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

[3]. Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là cháu Huỳnh Tuệ N, sinh ngày 05-11-2019. Bà L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét hiện nay con chung đang sinh sống cùng với bà L, để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, sức khỏe...của con chung, bà L có điều kiện tinh thần và vật chất để nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông T, nên Hội đồng xét xử quyết định: Bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Tuệ N.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Kim L và ông Huỳnh Văn T ly hôn.
2. Về con chung: 01 con chung là cháu Huỳnh Tuệ N, sinh ngày 05-11-2019 do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0047226 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà L đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân KV11-TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Long Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Trần Thị Huê

